

của họ đối với sản phẩm.

THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM:

Mục tiêu chính là:

1. Để quyết định kiểu, loại sản phẩm thích hợp hay có thể chấp nhận được đối với người tiêu thụ.

2. Để quyết định giá cả.

Một số cách thử nghiệm sản phẩm:

(1) Thử nghiệm thị hiếu, cách sử dụng: Có thể tại nhà, tại công ty, hay các cửa hàng v.v..., so sánh với các đối thủ cạnh tranh; thử nghiệm tam giác; thử nghiệm đơn sản phẩm, v.v...

(2) Thử nghiệm bán tròn - trọng tâm vào mẫu.

THỬ NGHIỆM THỊ TRƯỜNG

Khi nhà sản xuất đã thực hiện đầy đủ việc nghiên cứu khách hàng và thử nghiệm sản phẩm, thấy rằng sản phẩm đó đã đáp ứng được những yêu cầu về giá cả, chất lượng, chủng loại thì tiếp theo là chọn và thử nghiệm nhu cầu của thị trường mục tiêu.

Các bước thực hiện là:

1. Chọn vùng (thành phố, nông thôn...);

2. Quảng cáo và chiêu thị;
3. Sản xuất thử;
4. Phân phối;
5. Thăm dò sau một thời gian bán hàng;
6. Thống kê bán hàng.

CẢI TIẾN KỸ THUẬT

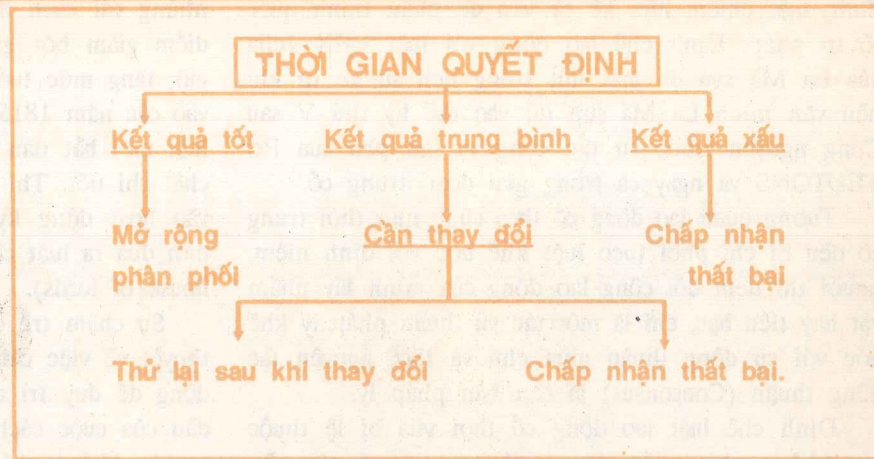
Tiềm năng về công nghệ là một yếu tố dẫn đến sự thành công của các nhà sản xuất trong thị trường cạnh tranh và cạnh tranh sẽ thúc đẩy phát minh, sáng kiến kỹ thuật. Nó làm

cho:

1. Chi phí sản xuất thấp hơn;
2. Bao bì, đóng gói tốt hơn;
3. Cải tiến nguyên vật liệu;
4. Điện toán hoá quá trình kiểm tra v.v...

Tóm lại, cạnh tranh sẽ xoá tên các doanh nghiệp yếu kém, làm tăng lợi ích của người tiêu dùng, tạo điều kiện sử dụng các nguồn tài nguyên (thiên nhiên, con người, v.v...) có hiệu quả hơn.

NDT (lược dịch)



Ý NIỆM VỀ LUẬT LAO ĐỘNG

LỜI NÓI ĐẦU:

MỘT TRONG NHỮNG YÊU CẦU BỨC THIẾT CỦA CHÚNG TA LÀ PHẢI NỖ LỰC XÂY DỰNG CÁC HẠ TẦNG CƠ SỞ CƠ BẢN ĐỂ PHỤC VỤ YÊU CẦU KIẾN THIẾT ĐẤT NƯỚC QUA CÁC QUAN HỆ QUỐC TẾ, TRONG ĐÓ CÓ YÊU CẦU PHÁP CHẾ CƠ BẢN ĐỂ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CỦA MỌI SỰ HỢP TÁC HAY QUAN HỆ KINH TẾ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC. TÀI LIỆU NÀY CHƯA DÙNG CÁC Ý NIỆM, BẮT ĐẦU TỪ CÁC MỐI TƯƠNG QUAN LAO ĐỘNG ĐỂ XÂY DỰNG CÁC BỘ LUẬT NHƯ LUẬT LAO ĐỘNG, LUẬT THƯƠNG MẠI, LUẬT DÂN SỰ TỔ TỤNG VÀ CÁC QUI ĐỊNH VỀ QUỐC TẾ PHẢN TRANH, QUỐC TẾ TƯ PHÁP... NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU QUAN HỆ KINH TẾ VỚI THẾ GIỚI, ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC TƯ BẢN.

CÁC Ý NIỆM ĐƯỢC TRÌNH BÀY CHỈ NHẪM MỤC ĐÍCH GỢI Ý VÀ TẠO CƠ HỘI TRANH LUẬN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC BỘ LUẬT CĂN BẢN CHO VIỆT NAM ĐƯỢC TIẾN HÀNH NHANH CHÓNG, CỤ THỂ VÀ MANG LẠI ÍCH LỢI THIẾT THỰC.
SO 6. THÁNG 1.1991

BAN BIÊN TẬP VÀ TÁC GIẢ MONG QUA BÀI VIẾT NÀY SẼ NHẬN ĐƯỢC THẬT NHIỀU Ý KIẾN XÂY DỰNG TỪ MỌI GIỚI.
BBT.

TIỀN NIỆM VỀ LUẬT LAO ĐỘNG.

Luật lao động là một pháp chế đặc biệt thuộc lĩnh vực tư pháp vừa mới xuất hiện, sớm nhất vào những năm đầu của thế kỷ XIX, trước hết tại Anh quốc rồi đến Pháp, Mỹ, Đức và một số quốc gia châu Âu trong khi các định chế pháp lý khác đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử.

Lao động xuất hiện đầu thế kỷ thứ XIX tại các quốc gia châu Âu đi theo con đường cách mạng kỹ nghệ để kỹ nghệ hoá nền kinh tế xứ mình...

Trước thế kỷ thứ XIX, mặc dù tương quan pháp lý lao động đã xuất hiện từ thời thế kỷ thứ ba và đầu thế kỷ thứ bốn sau Công nguyên, tại La Mã, bộ luật lao động đầu tiên này được đặt tên là LEX JULIA DE COLLIGIIS bên cạnh và song hành với một số định chế tư pháp khác như luật khế ước, luật gia

đình, luật chiếm hữu kể cả vấn đề phân tranh quốc tế tư pháp. Định chế lao động với luật LEX Julia của La Mã xưa đã mất hút trong lịch sử kể từ khi nền văn minh La Mã sụp đổ vào thế kỷ thứ V sau Công nguyên trước sự tấn công và tàn phá của Rô-ma TEUTONS và ngay cả trong giai đoạn trung cổ.

Tượng quan lao động cổ thời cũng như thời trung cổ đều bị chi phối theo luật khế ước với định niệm, người thì đem đổi công lao động của mình lấy phẩm vật hay tiền bạc, chỉ là một tác vụ thuần pháp lý khế ước với sự đồng thuận giữa chủ và thợ, nguyên tắc đồng thuận (Consensus) là căn bản pháp lý.

Định chế luật lao động cổ thời vừa bị lệ thuộc vừa không phát triển đã nói lên sự trì trệ của nền kinh tế mệnh danh là kỹ nghệ thời đó: Hoạt động công nghệ và kỹ nghệ đều xây dựng trên thủ công và thủ xảo chưa vượt qua phạm vi địa phương, mức độ sản xuất rất thấp, có nhiều ngành công nghệ do chính người thợ làm chủ diễn tiến sản xuất, kể cả đổi chác và nếu có phát triển lắm ông chủ đóng thêm vai trò thợ cả tức muốn thêm một số thợ bạn và thợ học nghề, nhưng lại sum họp hoạt động với nhau dưới hình thức đại gia đình.

Trong suốt giai đoạn dài trong lịch sử, luật lao động chưa chính thức xuất hiện và cũng chẳng có môn phương pháp luận về luật pháp nào đề cập đến mối liên quan pháp lý này.

Cho mãi tới thế kỷ XIX, vào năm 1802, chính ông chủ hãng chế tạo bông dệt vải Sir. Robert Ped bằng sáng kiến tư nhân đã đưa ra một dự án đầu tiên về luật lao động mặc dù còn quá sơ sài và thiếu sót vì tác giả luật đó chỉ là một nhà kỹ nghệ - dự án ông nêu ra chỉ là một hình ảnh sinh hoạt trong cơ sở kỹ nghệ do ông làm chủ.

Trong đầu thế kỷ cách mạng kỹ nghệ này, từ cuối thế kỷ thứ XVIII đến giữa thế kỷ thứ XIX, điều kiện làm việc và mức sống của người thợ quá thấp và bị giới chủ nhân bóc lột trắng trợn; thợ học nghề phải trải qua giai đoạn vào nghề cam go mất cả nhân phẩm - trẻ em từ 9 tuổi, nhất là trẻ mồ côi đang sống trong các trại tế bần đều đem đến xưởng thợ để học nghề, không được theo học tại các trường tiểu học hay trung học, thời gian học nghề trong một ngày kéo dài tới 16 giờ, trong giai đoạn học nghề này không được lãnh lương ngoài hai bữa cơm cho mỗi ngày, đúng là hình ảnh một con vật lao động.

Cái hình ảnh của người thợ, nhất là thợ học nghề và đàn bà, phản nhân tính và xã hội đó đã kích động mỗi từ tâm của Robert Peel nhất là nhà xã hội Robert Owen. Ông này chẳng phải luật gia nhưng lại đề ra

những cải cách đối với luật của Robert Peel từ các điểm giảm bớt giờ công trong mỗi ngày 16 đến 12 giờ; tăng mức tuổi tối thiểu để học nghề của trẻ em vào các năm 1815-1816... Mãi tới năm 1819, nhà làm luật mới bắt đầu biểu quyết một vài dự luật có tính chất chi tiết. Thí dụ cấm sử dụng trẻ em dưới 9 tuổi vào hoạt động kỹ nghệ. Năm 1825, Viện lập pháp mới đưa ra luật cấm trẻ em làm việc ban đêm... (The house of lords).

Sự chậm trễ của nhà làm luật, sự im lặng của lý thuyết về việc cần phải có một định chế pháp lý lao động để duy trì an ninh và an sinh trong giai đoạn đầu của cuộc cách mạng kỹ nghệ đang bị những tay tư bản khống chế. Giai đoạn đầu phát triển kỹ nghệ mà tượng trưng nền kinh tế kỹ nghệ lúc đó là MANCHESTER, đô thị kỹ nghệ đầu tiên của châu Âu, ngay từ thế kỷ thứ XII đã có xưởng chế tạo len và đến thế kỷ thứ XVIII, MANCHESTER trở thành trung tâm kỹ nghệ đầu tiên của châu Âu với kỹ nghệ ba ngành len - tơ và vải. Bắt đầu bằng sự phát minh ra con thoi bay (fly shuttle) của John Kay năm 1733, đến máy kéo bông thành chỉ của James Hargreave năm 1764, nhất là từ năm 1788 máy chạy bằng hơi nước của James Watt được ứng dụng vào hoạt động kỹ nghệ..., sự phát triển kỹ nghệ rầm rộ nhưng không được điều hành bằng luật pháp đó đã khiến cho xã hội rơi vào rối loạn đưa đến cảnh người bóc lột người một cách bất công. Và đó cũng là lý do đưa đến phong trào xã hội đấu tranh đầu tiên trong lịch sử châu Âu của giai cấp thợ thuyền mệnh danh là phong trào Hiến chương lao động (CHARSTISM) do William



PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Loyett là sáng lập viên, phong trào mà hoạt động khởi sự kể từ 1838 sau nạn khủng hoảng kinh tế tại Anh năm 1837; mục tiêu đấu tranh của phong trào là bảo vệ quyền lợi của giới lao động trước sự bóc lột của giới chủ nhân trong một xã hội kỹ nghệ nhưng chưa có luật lao động cấp tiến chi phối.

Tại sao trong thời gian đầu, lý thuyết (về luật lao động) lại dùng danh từ "luật kỹ nghệ" (industrial law) thay vì luật lao động? (labour law).

Quan niệm là luật kỹ nghệ, phương pháp luận Manchester chỉ xét tới nguyên nhân tác tạo ra tương quan pháp lý đặc biệt này. Cho rằng kể từ khi phát triển kỹ nghệ qua cuộc cách mạng kỹ thuật kể trên nền kinh tế đã đổi dạng từ trọng nông sang trọng thương rồi giai đoạn kinh tế kỹ nghệ chỉ riêng trong nền kinh tế kỹ nghệ mới xuất hiện tương quan quyền lợi giữa chủ và thợ. Quan niệm pháp lý hình thức này chỉ chú trọng vào hình thức của tương quan đó chứ không đặt nặng vấn đề bản chất pháp lý của tương quan, thiếu sử tính và không có thời tính, nó chỉ có giá trị trong thời gian đầu thời kỳ phát triển kỹ nghệ tại Anh quốc và không thể áp dụng trong giai đoạn thực sự phát triển kỹ nghệ của thế kỷ 20.

Thiếu sử tính và không hợp thời tính vì, câu hỏi có thể nêu ra: trong lịch sử, hoạt động kinh tế kỹ nghệ đã có từ thời cổ và trải qua giai đoạn trung cổ nhưng lại không có luật lao động?

Trong sinh hoạt kinh tế cổ điển, mặc dù đã có tương quan quyền lợi giữa chủ và thợ nhưng những mâu thuẫn về quyền lợi đều được giải quyết theo luật khế ước mặc dù luật khế ước châu Âu thời trung cổ,

tất cả còn là chế độ lập pháp bất thành văn, đặc biệt và nhất là những mâu thuẫn quyền lợi xảy ra trong phạm vi nhỏ hẹp không đáng cho nhà lập pháp (nhất là nhà lập pháp ở giai đoạn phong kiến và quân chủ) lưu ý tới.

Ngày nay, tất cả các quốc gia kỹ nghệ trên thế giới đều có pháp chế lao động đầy đủ, nhiều bộ luật lao động mới tỏ ra cấp tiến. Có quốc gia còn chấp nhận sự nói rộng phạm vi áp dụng luật lao động đến cấm địa là hành chính công quyền. Thí dụ tại Hoa Kỳ, nhân viên chính quyền cũng được thành lập liên đoàn (Union) trong mục đích bảo vệ quyền lợi lao động của chính nhân viên công quyền.

Kể từ thế kỷ 20, danh từ luật kỹ nghệ đã biến hẳn để nhường chỗ cho danh từ luật lao động.

Luật lao động mới xây dựng trên sự phát triển xã hội con người, lấy con người làm căn bản, có tính cách khách quan nên bản chất và phạm vi áp dụng luật lao động mới có tính cách bao quát buộc chính quyền phải nhìn lại trách nhiệm lao động của mình. Luật lao động mới không những chỉ đưa ra chỉ tiêu về quyền lợi lao động cá nhân của người lao động mà còn đề ra những quyền lợi của các thành viên trong gia đình của họ một khi những người này còn thuộc trách nhiệm nuôi dưỡng của họ; không những đưa ra vấn đề an sinh mà còn cả vấn đề xã hội liên quan đến người lao động, đó là những quyền lợi khi hết tuổi sản xuất.

THẠCH TRUNG NHÂN

KỶ SAU: NHỮNG ĐIỂM PHÁP LÝ CĂN BẢN CỦA LUẬT LAO ĐỘNG (hay phần nội dung căn bản của pháp chế lao động).

